TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAH'LEO** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:11/2020/DS-ST.
Ngày: 19 - 3 - 2020.
"V/v: *Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAH'LEO

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quốc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyển.
2. Ông Võ Ánh Sửu.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Năng Quân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày ngày 19 tháng 3 năm 2020. Tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐST-DS, ngày 06 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-DS, ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã Ea H, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Hồ Minh Đ, sinh năm 1954 (có mặt) và bà Lê Thị Q, sinh năm 1955. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2A, xã Ea H, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:*

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2017 (âm lịch) vợ chồng ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q có vay của ông Phạm Văn H tổng số tiền 600.000.000 đồng khi vay các bên có làm giấy tờ vay mượn với nhau và vợ chồng ông Đ bà Q có ký vào giấy mượn tiền và hai bên thỏa thuận với lãi suất là 20%/năm. Vợ chồng ông Đ bà Q có hẹn đến ngày 16 tháng 4 năm 2017 (âm lịch) sẽ trả số tiền trên cho ông H. Tuy nhiên, đã quá hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông Đ bà Q không trả cho ông H, mặc dù ông H đã đến đòi nhiều lần.

Nay ông Phạm Văn H yêu cầu vợ chồng ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q phải trả số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả 20%/năm, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, ông Phạm Văn H không yêu cầu gì thêm.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, ông Phạm Văn H đã cung cấp cho Tòa án 01 giấy chứng nhận mượn tiền (bản gốc).

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Minh Đ trình bày:*

Ông Hồ Minh Đ với vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị N có quen biết nhau và do nhu cầu ông L bà N cần vốn để trồng tiêu, nên có nhờ ông Đ đi vay tiền dùm. Sau đó, ông Đ có đến vay tiền của ông H nhiều lần từ năm 2013 trở đi để về cho cho ông L bà N vay lại. Đến ngày 16 tháng 3 năm 2017 (âm lịch) hai bên đã thỏa thuận và có đối chiếu nợ với nhau thì ông Đ còn nợ của ông H tổng số tiền 600.000.000 đồng và ông Đ hẹn đến ngày 16 tháng 4 năm 2017 (âm lịch) sẽ trả hết nợ cho ông H và vợ chồng ông Đ bà Q có ký và ghi họ tên vào giấy mượn tiền.

Việc ông Đ đứng ra vay tiền 600.000.000 đồng của ông H là đưa cho ông L bà N vay lại chứ không dùng cho mục đích gia đình, nhưng vì vay số tiền lớn nên ông H yêu cầu vợ ông Đ là bà Lê Thị Q phải ký vào giấy vay tiền ngày 16 tháng 3 năm 2017 (âm lịch), thì bà Q ký vào.

Nay ông H yêu cầu vợ chồng ông Đ bà Q phải trả số nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm, thì ông Đ chấp nhận trả cho ông H, nhưng do hoàn cảnh khó khăn không trả một lần được mà đợi lúc nào ông L bà N trả cho ông Đ, thì ông Đ sẽ trả cho ông H.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ông Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Q trình bày:*

Lúc đầu ông Hồ Minh Đ vay tiền của ông Phạm Văn H như thế nào thì bà Q không biết rõ và sau đó ông H đã gọi điện cho bà Q lên nhà và bảo bà Q ký vào giấy chứng nhận mượn tiền thì bà Q đã ký. Lúc này, bà Q mới biết sự việc là ông Đ có mượn tiền của ông H để cho ông L bà N mượn lại, do vợ chồng ông L bà N cần vốn

để trồng tiêu, nên nhờ ông Đ đứng ra vay dùm từ năm 2013 (cụ thể ngày tháng thì bà Q không rõ). Tuy nhiên, đã đến hạn trả nợ cho ông H nhưng ông Đ không trả được vì lý do vợ chồng ông L bà N chưa trả cho ông Đ. Việc ông Đ đã vay tiền của ông H thì không sử dụng cho mục đích gia đình mà đưa cho ông L bà N để trồng tiêu và bà Q thừa nhận trong giấy chứng nhận mượn tiền đề ngày 16 tháng 3 năm 2017 (âm lịch) là chữ ký và chữ viết của mình.

Nay ông Phạm Văn H yêu cầu vợ chồng bà Q phải trả số nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Thì bà Lê Thị Q chấp nhận cùng ông Đ đứng ra trả cho ông H.

Trong quá trình tham gia tố tụng bà Lê Thị Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019. Xét thấy, việc vợ chồng ông Đ bà Q ký vào giấy vay tiền đề ngày 16 tháng 3 năm 2017 (âm lịch) với ông H là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức hợp đồng vay tài sản, nay ông Đ bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Vì vậy, cần buộc vợ chồng ông Đ bà Q phải trả số tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả cho ông Phạm Văn H, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định.

Còn việc vợ chồng ông Đ bà Q cho rằng đã đứng ra vay số tiền trên cho ông L bà N. Nếu có căn cứ thì ông Đ bà Q có quyền khởi kiện bằng một vụ án độc lập để yêu cầu ông L bà N trả nợ cho mình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Việc Tòa án xác định là đây là quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* và thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[1]. *Những nội dung mà các đương sự đã thống nhất:* Vợ chồng ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q đều thừa nhận có vay của ông phạm Văn H tổng số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất hai bên thỏa thuận là 20%/năm và ông Đoàn bà Q cũng

thừa nhận tại giấy chứng nhận mượn tiền đề ngày 16 tháng 3 năm 2017 (âm lich) là chữ ký của mình nên phù hợp với khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, tại Điều luật quy định:*"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Như vậy, việc ông Đ bà Q đã vay của ông H số tiền nói trên là có thật, nên cần chấp nhận.

[2]. *Những nội dung các đương sự chưa thống nhất:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ bà Q cho rằng việc ông Đ đứng ra vay số tiền trên là vay cho vợ chồng ông L bà N để đầu tư trồng tiêu, nên khi nào ông L bà N trả tiền cho ông Đ bà Q, thì ông Đ bà Q mới trả được số nợ trên cho ông H. Ngoài ra, ông Đ cho rằng việc vay tiền trên không phục vụ cho mục đích kinh tế của gia đình, nên chỉ một mình ông Đ đứng ra trả mà không liên quan đến bà Q. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông H không thừa nhận sự việc này, nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về ông Đ bà Q, nhưng ông Đ bà Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Nên cần bác ý kiến này của ông Đ bà Q và cần chấp nhận ý kiến của ông H.

[3]. *Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định*: Khi hai bên xác lập quan hệ vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật Dân sự, nên công nhận việc vay tài sản giữa ông Đ bà Q với ông H là hợp pháp, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Nay ông Đ bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông H được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Vì vậy, cần buộc vợ chồng ông Đ bà Q phải trả số tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả 20%/năm theo quy định.

Còn việc ông Đ bà Q cho rằng đã đứng ra vay số tiền trên cho ông L bà N. Nếu có căn cứ thì ông Đ bà Q có quyền khởi kiện bằng một vụ án độc lập để yêu cầu ông L bà N trả nợ cho mình theo quy định.

[4]. ***Đối với lãi suất:*** Hội đồng xét xử nhận định, việc các đương sự tự nguyện thỏa thuận lãi suất là 20%/năm trong giấy vay tiền, đề ngày 16 tháng 3 năm 2017 (âm lịch) là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tại Điều luật quy định như sau: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay"*. Vì vậy, cần xác định mức lãi suất đối với khoản tiền vay tối đa theo quy định của pháp luật là 20%/năm để giải quyết.

Tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

"Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

"*Tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm".*

- Lãi suất trong hạn: Tính từ ngày 16 tháng 3 năm 2017 (âm lịch), tức ngày 12 tháng 4 năm 2017 (dương lịch) đến ngày 16 tháng 4 năm 2017 (âm lịch), tức ngày 11 tháng 5 năm 2017 (dương lịch) là 30 ngày.

(600.000.000 đồng x 20%/năm x 30 ngày) : 365 ngày = 9.863.000 đồng (đã làm tròn).

- Lãi suất quá hạn: Tính từ ngày 17 tháng 4 năm 2017 (âm lịch), tức ngày 12 tháng 5 năm 2017 (dương lịch), đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/02/2020 (âm lịch), tức ngày 19 tháng 3 năm 2020 (dương lịch) là: 02 năm 10 tháng 06 ngày.

(600.000.000 đồng x 20%/năm x 02 năm 10 tháng 06 ngày) : 365 ngày x 150% = 510.904.000 đồng (đã làm tròn).

- Lãi suất chậm trả lại: Tính từ ngày 17 tháng 4 năm 2017 (âm lịch), tức ngày 12 tháng 5 năm 2017 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/02/2020 (âm lịch), tức ngày 19 tháng 3 năm 2020 (dương lịch) là: 02 năm 10 tháng 06 ngày.

(9.863.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 10 tháng 06 ngày) : 365 ngày = 2.799.000 đồng (đã làm tròn).

Tổng số tiền lãi suất là: 9.863.000 đồng + 510.904.000 đồng + 2.799.000 đồng = 523.566.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà vợ chồng ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q phải trả cho ông Phạm Văn H cả gốc và lãi là: 1.123.566.000 đồng. (Trong đó, số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 523.566.000 đồng).

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 117, 119, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H.

1. Buộc vợ chồng ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q phải trả cho ông Phạm Văn H tổng số tiền là: 1.123.566.000 đồng. (Trong đó, số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 523.566.000 đồng).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Hồ Minh Đ và bà Lê Thị Q phải chịu 45.707.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Phạm Văn H số tiền 14.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo theo biên lai số 0001116, ngày 08 tháng 10 năm 2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn H và bị đơn ông Hồ Minh Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Hồ Thị Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'leo;
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Quốc Hà